TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Sơn Đ** (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị V** (Vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng
Địa chỉ hiện nay: ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2020 nguyên đơn ông Sơn Đ trình bày:

Ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2009.

Trong quá trình chung sống, ông và bà Nguyễn Thị V có 02 con chung tên Sơn Thị Hồng P, sinh ngày 27/3/2006 và Sơn Ngọc Đ, sinh ngày 05/7/2007.

Sau khi kết hôn, ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V sống chung với nhau tại căn nhà tình thương do chính quyền cấp tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cự cải liên tục, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn được nên vào năm 2017 bà Nguyễn Thị V đã đưa 02 con về nhà cha, mẹ ruột tại ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung: Chỉ có căn nhà tình thương tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Về nợ chung: Không có.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Sơn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

Về con chung: Ông đồng ý giao hai con chung là Sơn Thị Hồng P, sinh ngày 27/3/2006 và Sơn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/7/2007 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2020 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/11/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày **:**

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Sơn Đ.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Sơn Thị Hồng P, sinh ngày 27/3/2006 và Sơn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/7/2007 đến tuổi trưởng thành, bà yêu cầu ông Sơn Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Sơn Đ trình bày không có nợ chung là không đúng, thực tế vợ chồng có nợ một số người nhưng để hai vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn ông Sơn Đ có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Sơn Đ đối với bà Nguyễn Thị V, cho ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; về con chung: Hiện nay, cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 đang sống chung với bà Nguyễn Thị V, các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V cũng có công việc ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao cháu Sơn Thị Hồng P, sinh ngày 27/3/2006 và Sơn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/7/2007 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, buộc ông Sơn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 theo mức quy định của pháp luật mỗi cháu là 745.000 đồng/tháng; về tài sản chung: Do ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V đều trình bày về tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Ông Sơn Đ trình bày không có nợ chung, bà Nguyễn Thị V trình bày là có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, không cung cấp chứng cứ để chứng minh về nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Sơn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị V; Về con chung: Ông đồng ý giao hai con chung là Sơn Thị Hồng P, sinh ngày 27/3/2006 và Sơn Ngọc Đ1, sinh ngày

05/7/2007 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông Sơn Đ có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/09, ngày 26/02/2009 cho nên quan hệ hôn nhân giữa ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V đã không còn chung sống với nhau. Ông Sơn Đ đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị V. Phía bà Nguyễn Thị V cũng đồng ý ly hôn với ông Sơn Đ. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc ông Sơn Đ yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Đ và giải quyết cho ông Sơn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

[2] Về con chung: Ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V đều thừa nhận là ông, bà có 02 con chung tên Sơn Thị Hồng P, sinh ngày 27/3/2006 và Sơn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/7/2007. Ông Sơn Đ đồng ý giao 02 con cho bà Nguyễn Thị V nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị V cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện nay cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 đang sống chung với bà Nguyễn Thị V và có nguyện vọng được sống chung với mẹ, ông Sơn Đ cũng đồng ý giao 02 con cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Sơn Đ không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông Sơn Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 theo quy định của pháp luật, phía bà Nguyễn Thị V cũng yêu cầu ông Sơn Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Theo quy định thì mức cấp dưỡng không dưới 1/2 mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng, 1/2 là tương đương 745.000 đồng/tháng. Do đó, ông Sơn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 mỗi cháu là 745.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung: Do ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V đều trình bày là về tài sản chung để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Sơn Đ trình bày không có nợ chung. Bà Nguyễn Thị V trình bày hai vợ chồng có nợ một số người nhưng bà Vân trình bày là để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị V không cung cấp chứng cứ để chứng minh là bà và ông Sơn Đ có nợ chung. Tòa án cũng đã yêu cầu bà Nguyễn Thị V cung cấp chứng cứ để chứng minh về phần nợ chung nhưng bà Vân không cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này, về phần nợ chung nếu có căn cứ sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi người thứ ba có yêu cầu.

[6] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Ông Sơn Đ phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đồng thời, ông Sơn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3

Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Hồng P, sinh ngày 27/3/2006 và Sơn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/7/2007 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, ông Sơn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Sơn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 mỗi cháu là 745.000 đồng/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng/tháng)

Thời gian cấp dưỡng: Tính từ ngày tuyên án (22/6/2021) cho đến khi cháu Sơn Thị Hồng P và Sơn Ngọc Đ1 đủ tuổi trưởng thành.

Địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Phần quyết định về cấp dưỡng nuôi con nêu trên được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Sơn Đ và bà Nguyễn Thị V đều trình bày là để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Sơn Đ trình bày không có nợ chung. Bà Nguyễn Thị V trình bày hai vợ chồng có nợ một số người nhưng bà Nguyễn Thị V không có yêu cầu giải quyết về phần nợ chung, bà Nguyễn Thị V cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh về phần nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Phần nợ chung nếu có căn cứ sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi người thứ ba có yêu cầu.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Sơn Đ phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005332 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, ông Sơn Đ còn phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam